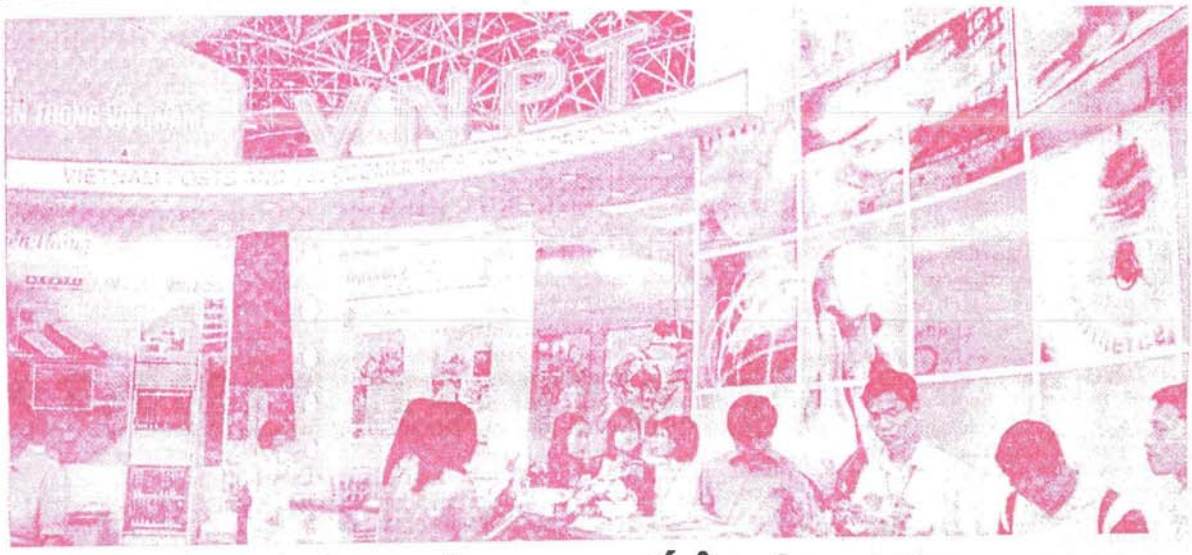

TẬP ĐOÀN KINH TẾ Ở VIỆT NAM

Trở ngại thực tiễn và các gợi ý chính sách

TS. NGUYỄN TRỌNG HOÀI & Thạc sĩ VÕ TẤT THẮNG

Là một nước đang chuẩn bị vào sân chơi toàn cầu, VN cũng hy vọng hình thành nên những tập đoàn kinh tế có đủ sức mạnh cạnh tranh ở tầm quốc tế. Tuy nhiên, chủ trương thí điểm tập đoàn hóa một số doanh nghiệp nhà nước đã dấy lên không ít lo lắng vì tính khả thi và những rủi ro của nó.

Ngày nay, các tập đoàn kinh tế có khả năng tác động đến nền kinh tế toàn cầu không còn xa lạ nữa. Nhiều trong số này có ảnh hưởng mạnh có thể làm thay đổi khuynh hướng sản xuất và tiêu dùng của cả thế giới, đánh dạt mọi đối thủ và thu được lợi nhuận khổng lồ. Rõ ràng, sự hình thành và phát triển của các tập đoàn kinh tế mạnh là chiến lược quan trọng không chỉ riêng đối với các doanh nghiệp mà còn đối với các quốc gia. Chính vì vậy mà dần dần việc ra đời của các tập đoàn kinh tế đã trở thành một xu hướng tự nhiên ở khắp nơi trên thế giới, mang tính tất yếu như xu hướng toàn cầu hóa vậy.

Là một nước đang chuẩn bị vào sân chơi toàn cầu, VN cũng hy vọng hình thành nên những tập đoàn kinh tế có đủ sức mạnh cạnh tranh ở tầm quốc tế. Tuy nhiên, chủ trương thí điểm tập đoàn hóa một số doanh nghiệp nhà nước đã dấy lên không ít lo lắng vì tính khả thi và những rủi ro của nó. Thay vì chỉ tập trung đưa ra các nhận định chủ quan, nghiên cứu này sẽ nhận xét tiến trình hình thành tập đoàn kinh tế ở VN theo một khung lý thuyết cơ sở, sau đó sẽ gợi ý một số chính sách tác động hiệu quả đến quá trình hình thành các tập đoàn kinh tế.

Tập đoàn ở các nước trên thế giới

Tập đoàn kinh tế là một cơ cấu tổ chức có quy mô lớn do nhiều công ty có tính chất sở hữu và lĩnh vực kinh doanh đa dạng liên kết lại nhằm tăng cường khả năng tích tụ, tập trung các nguồn lực như vốn, lao động, công nghệ... để tăng khả năng cạnh tranh trên các thị trường trong và ngoài nước. Các công ty thành viên trong tập đoàn có thể hoạt động độc lập nhưng phải chịu sự chi phối của một công ty mẹ đối với nguồn lực ban đầu và chiến lược phát triển chung.

Tùy theo cách thức thành lập mà tập đoàn có thể có tư cách pháp nhân hoặc không. Trong trường hợp được hình thành từ quá trình sáp nhập các công ty thành một thể thống nhất thì tập đoàn hoạt động như một pháp nhân kinh tế. Ngược lại, nếu tập đoàn được hình thành do các công ty ký thỏa thuận liên kết với nhau, đặc biệt là ở các liên kết mà trong đó các công ty thành viên độc lập trong hoạt động kinh doanh của mình thì nó không cần có tư cách pháp nhân. Trong trường hợp này tập đoàn là một hình thức tổ chức kinh tế.Tùy theo mức độ liên kết mà tập đoàn có nhiều hình thức với các tên gọi khác nhau như: Cartel, Group, Syndicate, Consortium, Combinat, Incorporation, Trust, Conglomerate. Ở Nhật , người ta gọi tập đoàn kinh doanh là các Keiretsu, còn ở Hàn Quốc thì gọi là các Chaebol.

Đặc điểm của các tập đoàn kinh tế

Do đã đạt được sự tích tụ cao, quy mô về vốn của các tập đoàn kinh tế thường rất lớn, chẳng hạn như trị giá vốn cổ phiếu của tập đoàn General Electric năm 1999 là 259 tỷ USD, tập đoàn Coca Cola là 142 tỷ USD...Nguồn vốn của các tập đoàn thường được tạo ra thông qua các hình thức như nhà nước cấp vốn, tích lũy từ lợi nhuận kinh doanh, phát hành cổ phiếu, trái phiếu, đầu tư nước ngoài, sát nhập các công ty hoặc đi vay. Nhờ ưu thế về vốn, các tập đoàn có khả năng mở rộng nhanh quy mô sản xuất, đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm nên khả năng cạnh tranh cao, vì thế đạt doanh thu lớn, và hệ

quả là cơ chế quản lý cũng hết sức hiện đại và hiệu quả. Chẳng hạn như vào năm 1998 tập đoàn Ford đã đạt doanh thu 119 tỷ USD, tập đoàn Philipmorit đạt 74,4 tỷ USD. Mặt khác, lao động trong các tập đoàn không những lớn về số lượng mà còn có chất lượng cao, được tuyển chọn và đào tạo rất nghiêm ngặt.

Mỗi tập đoàn thường hoạt động trong nhiều ngành khác nhau nhưng có ngành chủ đạo và lĩnh vực đầu tư mũi nhọn. Qua thời gian, chiến lược sản phẩm và hướng đầu tư cũng phải luôn thay đổi để phù hợp với sự phát triển của tập đoàn và môi trường kinh doanh. Bên cạnh các hoạt động sản xuất thương mại, các tập đoàn thường mở rộng hoạt động sang các lĩnh vực khác như tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, nghiên cứu khoa học...Chẳng hạn như tập đoàn Petronas của Malaysia ngoài các hoạt động liên quan đến dầu khí còn hoạt động kinh doanh bất động sản, siêu thị, vui chơi giải trí và cả đào tạo nguồn nhân lực.

Tập đoàn kinh tế rất đa dạng về cơ cấu tổ chức và tính pháp lý. Trong một số các tập đoàn, các công ty con vẫn giữ nguyên tính độc lập về mặt pháp lý, việc huy động vốn và các hoạt động kinh tế được duy trì bằng các hợp đồng kinh tế, các chủ sở hữu của các công ty thành viên vẫn có quyền điều hành công ty của mình và vẫn có tư cách pháp nhân riêng. Trong khi đó, ở một số tập đoàn khác, các công ty con bị mất quyền độc lập trong các hoạt động sản xuất kinh doanh, các chủ sở hữu lúc này trở thành cổ đông của công ty mẹ. Sở hữu trong các tập đoàn thường là sở hữu hỗn hợp với nhiều thành phần kinh tế khác nhau. Tuy nhiên, ở một số nước đang phát triển, các tập đoàn được hình thành chủ yếu do chính sách kinh tế của nhà nước nên sở hữu của tập đoàn phần lớn là thuộc về nhà nước.

Về mặt điều hành, do các tập đoàn kinh tế thường được hình thành từ sự phát triển các mối quan hệ kinh tế giữa các chủ thể kinh tế, trong đó quan trọng nhất là sự liên kết về tài chính cho nên các tập đoàn kinh tế thường dùng tài chính để kiểm soát và chi phối các công ty thành viên thông qua công ty mẹ hay công ty tài chính trong trường hợp không có công ty mẹ. Công ty mẹ sẽ thực hiện vai trò quản lý ở một số mặt như điều hòa huy động vốn, quản lý vốn, xây dựng chiến lược phát triển, chiến lược thị trường, chiến lược sản phẩm, chiến lược đầu tư và đào tạo nhân sự cho cả tập đoàn. Ngoài ra, công ty mẹ còn có thể phải thực hiện việc bảo lãnh để các công ty thành viên được vay các khoản vốn ưu đãi từ các ngân hàng trong nước và quốc tế.

Tập đoàn và phát triển kinh tế

Tập đoàn kinh tế có khả năng huy động rất lớn các nguồn lực trong xã hội để phát triển kinh tế, tăng khả năng cạnh tranh của cả tập đoàn và các công ty thành viên, tạo sức mạnh chống lại sức ép của các tập đoàn nước ngoài. Hình thành các tập đoàn kinh tế ở các nước đang phát triển là một biện pháp tốt để chống lại sự xâm nhập ồ ạt của các công ty nước ngoài trong điều kiện buộc phải mở rộng thị trường để hội nhập, giúp cho sản xuất trong nước từng bước lớn mạnh và vươn ra thị trường thế giới. Hình thức tập đoàn khắc phục tình trạng thiếu vốn ở các công ty nhỏ lẻ, cho phép các công ty thành viên sử dụng nguồn vốn lớn của tập đoàn để đầu tư với hiệu quả cao nhất theo lợi thế kinh tế qui mô, thu lợi cho tập đoàn đồng thời thúc đẩy nền kinh tế trong nước phát triển. Tương tự, tập đoàn kinh tế cũng tạo ra khả năng to lớn trong việc trao đổi thông tin và ứng dụng khoa học công nghệ với chi phí thấp. Từ đó cho phép các công ty thành viên ứng dụng nhanh những kết quả nghiên cứu vào thực tiễn với quy mô lớn, nâng cao hiệu quả hoạt động nghiên cứu ứng dụng. Chính điều này sẽ giúp cho các nước đi sau rút ngắn khoảng cách về trình độ với các nước đang đi trước, điển hình như trường hợp của Nhật và Hàn Quốc vào các thập niên 70 và 80.

Tuy nhiên, các tập đoàn kinh tế cũng có thể sẽ mang lại những rủi ro cho nền kinh tế. Đầu tiên phải kể đến là khả năng độc quyền của các tập đoàn kinh tế do thiếu sự cạnh tranh cần thiết. Hậu quả của vấn đề này thường thể hiện qua vấn đề thao túng giá cả, đầu cơ quyền lực kinh tế và chính trị. Đây là những vấn đề mà một quốc gia hùng mạnh như Mỹ cũng phải thường xuyên đau đầu khi giải quyết chúng. Ngoài ra, tập đoàn kinh tế cũng có thể trở thành gánh nặng nếu các chiến lược phát triển của tập đoàn thường xuyên gắn chặt vào những biện pháp ưu đãi của chính phủ, chẳng hạn như hưởng các nguồn tín dụng chỉ định ưu đãi hoặc bảo hộ thị trường trong nước, hình thành mối quan hệ không minh bạch *lobby* tay ba giữa chính phủ, ngân hàng và các tập đoàn, và từ đó sẽ có khả năng tạo ra khủng hoảng tài chính tiền tệ mà châu Á đã là một trường hợp điển hình xảy ra vào năm 1997.

Nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển của các tập đoàn

Đa số các tập đoàn kinh tế đều được thành lập theo quy luật thị trường tự nhiên. Bắt đầu từ sự lớn mạnh của mình, các công ty tích lũy được nguồn vốn lớn và mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh và đầu tư ở nhiều ngành nghề, lĩnh vực khác nhau. Cùng thời gian, do nhu cầu tồn tại, tăng sức mạnh cạnh tranh hoặc mở rộng thị trường, các công ty sẽ có khuynh hướng sáp nhập, hợp nhất, mua lại hoặc liên kết với nhau. Những hoạt động này sẽ tạo điều kiện cho các tập đoàn khổng lồ ra đời và thống lĩnh thị trường. Tuy nhiên, việc hình thành tập đoàn cũng có thể bằng các mệnh lệnh hành chính của chính phủ. Các tập đoàn kinh tế ở các nước châu Á như Nhật và Hàn Quốc được xem như là điển hình của trường hợp này.

Quá trình hình thành và phát triển của các tập đoàn kinh tế cũng chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi quan điểm chính sách của riêng từng quốc gia. Chẳng hạn như ở Hàn Quốc, để nâng cao sức mạnh kinh tế quốc gia và hỗ trợ chiến lược xuất khẩu, tổng thống Park Chung Hee đã có nhiều chính sách hỗ trợ các chaebol, các tập đoàn lớn có quan hệ gần với chính phủ. Từ năm 1972 đến 1980, trung bình 47,7% vốn tín dụng trong nước đã được chính phủ chỉ định cho vay với lãi suất thấp hơn khoảng 5% so với lãi suất thị trường. Do nhận được qúa nhiều ưu đãi, các chaebol đã phát triển cực nhanh. Nếu vào năm 1976, 10 chaebol lớn nhất chỉ chiếm 19,8% GNP thì đến năm 1984, tỷ trọng này đã lên tới 67,4%. Từ đó, sự phát triển kinh tế của Hàn Quốc đã có lúc phụ thuộc rất nhiều vào các tập đoàn này.

Tương tự, các nhà hoạch định chính sách của Indonesia cho rằng việc hình thành các tập đoàn kinh tế lớn đa dạng là cực kỳ quan trọng cho việc tận dụng lợi thế của tính kinh tế theo quy mô và đảm

bảo khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Chính vì vậy mà họ có nhiều chính sách bảo hộ công nghiệp, cung cấp tài chính ưu đãi và đồng thời dành vị thế độc quyền cho một số công ty. Với nhiều thuận lợi như vậy, các tập đoàn kinh tế đã ra đời và phát triển rất mạnh ở Indonesia từ những năm 1960 đến 1980.

Hiện trạng các tổng công ty ở VN

Ở nước ta, chủ trương theo đuổi mô hình tập đoàn kinh tế đã manh nha xuất hiện từ những năm 1990. Ngày 7.3.1994, trong bối cảnh thực hiện đổi mới khu vực kinh tế nhà nước, thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định 90/TTg và Quyết định 91/TTg nhằm tổ chức lại hệ thống các liên hiệp xí nghiệp và thí điểm thành lập các tổng công ty theo mô hình tập đoàn kinh doanh với mục tiêu là thúc đẩy tích tụ và tập trung, nâng cao khả năng cạnh tranh, đồng thời thực hiện chủ trương xóa bỏ dần chế độ Bộ chủ quản, cấp hành chính chủ quản. Theo đó, đối với tổng công ty được thành lập theo quyết định 90/TTg (còn gọi là tổng công ty 90) thì phải có tối thiểu 5 đơn vị thành viên với tổng vốn pháp định trên 500 tỷ đồng, trong trường hợp đặc thù thì cũng không ít hơn 100 tỷ đồng. Đối với tổng công ty được thành lập theo quyết định 91/TTg (còn gọi là tổng công ty 91) thì phải có ít nhất 7 thành viên với tổng vốn pháp định trên 1000 tỷ đồng. Tính đến cuối tháng 2.2000, Thủ tướng Chính phủ đã ra quyết định thành lập 18 tổng công ty 91 và ủy quyền cho các bộ, ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành lập 79 tổng công ty 90. Các tổng công ty nhà nước có 1.392 doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập, chiếm 24% tổng số doanh nghiệp cả nước nắm giữ 66% về vốn, 61 % về lao động. Riêng 17 tổng công ty 91 có 532 doanh nghiệp thành viên chiếm 9% số lượng doanh nghiệp nhà nước, 56% tổng vốn kinh doanh và 35% lao động (1).

Nhìn chung, sau khi thành lập thì nhiều tổng công ty đã thể hiện được vai trò đầu tàu của mình. Một số tổng công ty đã huy động nguồn lực nội bộ trong toàn tổng công ty kết hợp với huy động các nguồn vốn khác để điều hòa thực hiện các chương trình đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, mở rộng sản xuất, tăng khả năng cạnh tranh, khai thác thị trường trong nước và mở rộng thị trường ngoài nước. Các tổng công ty đã trở thành lực lượng quan trọng cung cấp các loại hàng hóa thiết yếu như điện, than, dầu khí, xi măng, sắt thép..đảm bảo cân đối các hàng hóa, vật tư chiến lược, cân đối ngoại tệ, góp phần bình ổn giá cả và duy trì sự phát triển ổn định của nền kinh tế. Bên cạnh đó, các tổng công ty còn là nguồn đóng góp quan trọng cho ngân sách, chẳng hạn vào năm 2003 riêng các tổng công ty 91 đã đạt doanh thu 202.652 tỷ đồng, nộp ngân sách 36.916,5 tỷ. Ngoài ra, các tổng công ty còn ổn định việc làm cho hàng triệu lao động, nâng cao đời sống người lao động và tích cực tham gia các hoạt động xã hội. Có thể nói, với 18 tổng công ty 91 và 79 tổng công ty 90, các tổng công ty đã đóng vai trò quan trọng đối với sự tăng trưởng kinh tế xã hội VN.

Song song với những thành tựu trên, sau 10 năm hoạt động, các tổng công ty đã lộ ra các hạn chế nhất định. Tuy đã được liên kết lại nhưng các tổng công ty, đặc biệt là tổng công ty 90 vẫn còn là những doanh nghiệp quy mô còn quá khiêm tốn so với quy mô của các tập đoàn kinh tế của các nước trong khu vực Đông Nam Á, đó là chưa so sánh với những tập đoàn của Mỹ, Nhật, EU hoặc Hàn Quốc. Các tổng công ty 90 có vốn trên 500 tỷ đồng chỉ có 13%; các tổng công ty có vốn dưới 100 tỷ đồng chiếm đến 35%, thậm chí trong số đó có nhiều công ty có mức vốn dưới 50 tỷ. Các tổng công ty 91 có tình trạng khá hơn nhưng cũng vẫn còn khiêm tốn. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các tổng công ty tuy có cao hơn so với toàn bộ khu vực doanh nghiệp nhà nước song vẫn chưa tương xứng với mức đầu tư và những ưu đãi của nhà nước dành cho họ. Đặc biệt nhiều công ty được kinh doanh với vị thế độc quyền và có khả năng tác động đến giá sản phẩm, từ đó các công ty này đưa ra mức giá không phù hợp với quy luật thị trường nhưng người tiêu dùng buộc phải chấp nhận vì không có người cung cấp khác. Về mặt quản lý, vai trò của tổng công ty đối với các công ty thành viên rất mờ nhạt. Bởi lẽ, vốn của tổng công ty chính là vốn nhà nước trên sổ kế toán của các công ty thành viên cộng lại. Vì vậy, vai trò điều phối vốn từ nơi thừa sang nơi thiếu của tổng công ty chủ yếu tồn tại trên văn bản. Việc hỗ trợ về công nghệ, tạo thị trường tiêu thụ sản phẩm cho các công ty thành viên của tổng công ty cũng không đạt được hiệu quả như mong muốn. Nhiều công ty còn chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước, chưa chủ động tháo gỡ các khó khăn để vượt lên để kinh doanh có hiệu quả, tăng cường năng lực cạnh tranh với các đối thủ tập đàon nước ngoài.

Bước chuyển từ tổng công ty sang tập đoàn

Để từng bước đổi các tổng công ty nhà nước, chính phủ đã thực hiện chủ trương chuyển một số tổng công ty có quy mô lớn sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tuy nhiên tính đến cuối năm 2004, trong số 20 đề án được chính phủ phê duyệt cho chuyển sang mô hình công ty mẹ-công ty con chỉ có ba công ty đã thực hiện. Đó là Công ty xây lắp điện III; Công ty đầu tư phát triển và xây dựng; Công ty đầu tư, xuất nhập khẩu và xây dựng VN. Các công ty này bước đầu đã cho kết quả khả quan sau khi chuyển sang mô hình công ty mẹ-công ty con. Sau một năm hoạt động, Công ty đầu tư, xuất nhập khẩu và xây dựng VN đã tăng doanh thu lên 3,2 lần, lợi nhuận 3,55 lần. Ở công ty xây lắp điện III, doanh thu tăng 39%, nộp ngân sách tăng 31,45%, lợi nhuận tăng 71%, thu nhập người lao động tăng 10% (2).

Thực tiễn hoạt động của ba công ty kể trên theo mô hình công ty mẹ-công ty con cho thấy những ưu thế và tiềm năng to lớn khi hoạt động theo mô hình này. Đồng thời với quyết tâm xây dựng các tập đoàn kinh tế mạnh để chủ động trong cạnh tranh và hội nhập quốc tế, chính phủ VN đã lựa chọn 6/18 tổng công ty 91 để thí điểm xây dựng đề án chuyển sang mô hình tập đoàn kinh tế. Ngoài đề án thành lập Tập đoàn bưu chính - viễn thông và Tập đoàn than đã được chính phủ phê duyệt vào đầu năm 2005, 4 tổng công ty còn lại là điện lực, xi măng, dầu khí, dệt may đều đang trong quá trình xây dựng đề án.

Những điểm mới của tập đoàn so với mô hình tổng công ty trước đây được thể hiện ở các nội dung sở hữu, cơ cấu vốn, và cơ chế quản lý. Thứ nhất, tập đoàn là một tổ hợp kinh tế gồm các thành viên hạch toán độc lập, đa sở hữu trong đó sở hữu nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Cơ chế liên kết giữa các thành viên trong tập đoàn hoàn toàn khác so với cơ

chế trong tổng công ty. Đó là chuyển liên kết theo kiểu hành chính, từ cơ chế cấp vốn hiện nay sang đầu tư vốn theo mô hình công ty mẹ – công ty con. Có nghĩa là với mô hình tập đoàn, công ty mẹ sẽ đầu tư vốn cho công ty con, công ty con sẽ phải bảo toàn và phát triển nguồn vốn đó. Thứ hai, tập đoàn kinh tế phân biệt rõ ràng cấu trúc sở hữu và các loại hình của từng đơn vị thành viên: doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, doanh nghiệp cổ phần hoá trong đó Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn hoặc dưới 50% vốn và các công ty liên kết dưới hình thức cổ phần, liên doanh...Thứ ba, tập đoàn kinh tế sẽ tổ chức hoạt động theo hướng gọn nhẹ hơn so với mô hình tổng công ty trước đây. Chẳng hạn như chỉ Tập đoàn bưu chính viễn thông mới có hội đồng quản trị còn bốn tổng công ty thành viên là Tổng công ty bưu chính VN và ba tổng công ty Viễn thông I, II, III thì không có hội đồng quản trị, cơ cấu như vậy sẽ làm bộ máy gọn nhẹ, đồng thời tổng giám đốc của bốn tổng công ty này được tham gia vào hội đồng quản trị của tập đoàn.

Hạn chế từ tổng công ty sang tập đoàn kinh tế

So với các tập đoàn kinh tế trên thế giới, việc chuyển đổi các tổng công ty thành các tập đoàn kinh tế tại VN còn một số điều băn khoăn.

Điều đầu tiên phải kể đến là vấn đề vốn của tập đoàn kinh tế VN. Theo Viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương, hiện nay các tổng công ty 91 chiếm tới 70% nguồn thu ngân sách của toàn bộ khu vực doanh nghiệp nhà nước nhưng trình độ tích tụ và tập trung vốn còn chậm so với nhu cầu hình thành tập đoàn kinh tế. Trong số 18 tổng công ty 91 thì chỉ có 3 đạt trình độ tích tụ và tập trung vốn cao là các tổng công ty Điện lực, Dầu khí và Bưu chính viễn thông (chiếm gần 65% tổng vốn tự bổ sung của tất cả các tổng công ty 91).

Thêm vào đó, trình độ chuyên môn hóa và hợp tác kinh doanh của nhiều tổng công ty còn yếu, chỉ đơn thuần mang tính "cộng dồn" các công ty thành viên cùng ngành nghề, lĩnh vực, sản phẩm, đối tượng khách hàng và thị trường nên có khi còn dẫn đến xung đột về lợi ích giữa các thành viên trong tập đoàn. Tên của tổng công ty thường gắn với lĩnh vực hoạt động, đặc điểm kinh doanh đa ngành, đa lĩnh vực chỉ tồn tại trên lý thuyết.

Đồng thời, liên kết giữa các công ty thành viên tuy chặt chẽ nhưng được quyết định bằng các mệnh lệnh hành chính, về cơ bản là liên kết giữa các công ty nhà nước nên chưa phù hợp với những đặc điểm liên kết tập đoàn vốn có, đó là sự đa dạng về sở hữu và các quyết định chủ yếu dựa trên hiệu quả kinh tế. Cũng vì lý do này mà việc chi phối các đơn vị thành viên cũng mang tính hành chính, chưa dựa vào quan hệ phân phối lợi ích kinh tế theo quy luật thị trường. Và trên thực tế nhiều tổng công ty chỉ mới làm tốt việc hỗ trợ các công ty thành viên trong thủ tục đầu tư, vay vốn...hiếm có tổng công ty nào thể hiện được vai trò phân công sản xuất, tìm kiếm thị trường và điều phối tài chính giữa các thành viên.

Riêng đối với các tổng công ty đã chuyển sang hình thức tập đoàn kinh tế cũng có không ít những khó khăn. Trong đó, đáng quan tâm nhất là tình trạng độc quyền và cạnh tranh không lành mạnh ở các tập đoàn. Bởi vì chỉ ở mô hình tổng công ty thôi thì hiện tượng độc quyền và cạnh tranh không lành mạnh đã xảy ra ở nhiều ngành, nhiều lúc và với nhiều mức độ khác nhau. Chẳng hạn như Tập đoàn bưu chính viễn thông khi còn là tổng công ty đã chiếm hơn 90% tổng thu nhập của toàn ngành. Có người cho rằng điều này sẽ được giải quyết khi Nhà nước ban hành và hoàn thiện cơ chế, chính sách (3). Tuy nhiên, trong điều kiện như hiện nay, khi mà theo quy định các Bộ phải dựa vào Luật doanh nghiệp, Luật doanh nghiệp nhà nước và căn cứ vào Nghị định 153 của Chính phủ để xây dựng bộ máy quản lý của tập đoàn và các đơn vị thành viên thì nhiều người vẫn còn nghi ngờ về tính cục bộ và không khách quan của nó. Hơn nữa, mô hình tập đoàn không hề giống mô hình tổng công ty nhưng lại dùng văn bản pháp luật áp dụng cho tổng công ty.

Một số gợi ý chính sách về tập đoàn kinh tế ở VN

Trong bối cảnh cạnh tranh và toàn cầu hoá, chủ trương thành lập các tập đoàn kinh tế ở VN là hợp lý. Tuy nhiên, cho đến nay quá trình chuyển đổi vẫn còn khá mới mẻ cả về mặt lý luận và thực tiễn. Vì thế, để thực hiện thành công việc chuyển đổi sang mô hình tập đoàn, điều đầu tiên là chúng ta phải bổ sung nhanh hiểu biết về vấn đề này đồng thời tỉnh táo nhận ra những thiếu sót của mình và kịp hoàn thiện nó trong thực tiễn.

Về mặt lý luận, các nhà hoạch định chính sách cần nghiên cứu sâu hơn về tập đoàn kinh tế cũng như mô hình công ty mẹ - công ty con gắn liền với nó. Thông tin về sự thành công của các tập đoàn kinh tế ở các nước có rất nhiều, nhưng chúng ta không nên vội vã sao chép nguyên xi vì ở đấy có thể có những khác biệt trong bối cảnh hình thành và chủ trương phát triển kinh tế của từng nước, ví dụ các tập đoàn kinh tế châu Á phần lớn không hình thành theo kiểu áp đặt mà lại gắn kết theo mối quan hệ gia đình.

Về mặt thực tiễn, qua phân tích, có thể chia những thiếu sót làm hai nhóm: một nhóm thuộc về những vấn đề nội tại của các tổng công ty, một nhóm là những vấn đề về cơ chế chính sách.

Để hạn chế những thiếu sót ở nhóm đầu tiên, tức những hạn chế của tổng công ty đối với mô hình tập đoàn, chúng ta buộc phải cẩn trọng khi lựa chọn các tổng công ty có đủ điều kiện để thực hiện thí điểm, không nên vì một lý do nào mà ồ ạt thành lập tập đoàn, cho dù là thí điểm. Kinh nghiệm từ Trung Quốc cho thấy chỉ cần có một vài tập đoàn nhưng thật sự mạnh và hiệu quả là cũng đủ. Các giải pháp để sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước như cổ phần hóa, bán, khoán, sát nhập cần được thực hiện một cách triệt để giúp các công ty nói chung hay các tổng công ty tự phát triển nội lực trước khi tiến đến tham gia thành lập tập đoàn. Đồng thời việc làm này có thể giúp cho tập đoàn có được tính đa sở hữu. Và nếu việc thành lập tập đoàn vẫn phải cần quyết định hành chính thì ít ra nó cũng phải xuất phát từ nhu cầu thực tế. Nếu không thì chẳng khác nào chúng ta đang thực hiện việc đổi tên thuần túy cho các tổng công ty, mà điều này chẳng đem lại chút lợi ích gì cho nền kinh tế cả, thậm chí còn gây nên những thiệt hại và góp phần vào việc gia tăng các thất bại thị trường, ví dụ như tăng sức mạnh độc quyền trong cung cấp hàng hoá và dịch vụ.

(Xem tiếp trang 10)

để kiểm soát cho bằng được độc quyền bằng cách thúc đẩy cạnh tranh. Trong bối cảnh người dân còn có khả năng phải sống chung với độc quyền trong nhiều năm nữa – lãnh đạo ngành điện lực đã tuyên bố rằng ít nhất ngành này cũng phải còn độc quyền trong vòng 30 năm nữa – thì bất kỳ những đầu tư tích lũy nào của nhà nước từ trước đến nay trong cơ sở hạ tầng cho các ngành độc quyền đều phải tách riêng ra thành một công ty riêng và kinh doanh độc lập hoàn toàn với các tập đoàn. Trước mắt là tách hẳn hệ thống hạ tầng cơ sở đường trục trong ngành bưu chính viễn thông ra thành một doanh nghiệp độc lập với tập đoàn bưu chính viễn thông. Điều này sẽ tạo điều kiện để cho các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác ra đời tham gia khai thác đường trục cạnh tranh bình đẳng với TĐKT quốc doanh.

- Xây dựng hệ thống các qui định pháp luật và chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp và ra nước ngoài của TĐKT. Nhà nước chỉ nên tạo điều kiện tối đa để các tập đoàn hình thành và ra đời theo đúng với quy luật thông qua các chính sách và luật lệ thống nhất.

- Để trở thành chuẩn tập đoàn, điều kiện đầu tiên và tiên quyết là các TĐKT phải áp dụng các chuẩn mực kế toán quốc tế IAS thay vì là các chuẩn mực kế toán-VN. Đây được xem như là một trong những giải pháp bắt buộc làm tăng thêm tính minh bạch trong các báo cáo tài chính của TĐKT theo những tiêu chuẩn quốc tế. Quy định này chắc chắn sẽ làm hạn chế đáng kể tình trạng tham nhũng diễn ra trong các tập đoàn và do đó làm tăng thêm tính minh bạch để tiến tới niêm yết cổ phiếu của các TĐKT ra thị trường chứng khoán quốc tế.

- Trước mắt cần phải có những chính sách riêng đối với các công ty được lựa chọn phát triển thành tập đoàn mà trong đó phải đặc biệt ưu tiên theo hướng phát triển các TĐKT tư nhân song song với phát triển các TĐKT quốc doanh. Những chính sách này liên quan đặc biệt đến các chính sách phân phối, chính sách thuế, cơ chế bảo lãnh tín dụng tập đoàn cùng với các chính sách khác về đất đai. Chẳng hạn, Chính phủ Trung Quốc đã hỗ trợ cho tập đoàn dầu khí quốc gia CNOOC vay 8,5 tỷ đôla trong vòng 30 năm với lãi suất 3,5% để có thể mua được Unocal của Mỹ.

- Chính sách đối với thương hiệu của tập đoàn: thống nhất thương hiệu khi chuyển từ TCT sang tập đoàn, sửa đổi chính sách tài chính liên quan đến xây dựng thương hiệu. Để có thể có những thương hiệu mang tầm mức quốc tế, chính sách liên kết giữa tập đoàn kinh tế quốc doanh với các thành phần kinh tế khác là rất quan trọng. Liên kết là thuật ngữ thường được sử dụng gần đây đối với các doanh nghiệp VN trong các chiến lược phát triển thương hiệu tầm cỡ quốc tế. TĐKT phải trở thành lực lượng chủ lực và tiên phong trong việc liên kết các doanh nghiệp lại với nhau để thực hiện chiến lược dài hạn này.

- Ngoài ra Chính phủ cần phải khẩn trương ban hành các chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết giữa các thành phần kinh tế, các loại hình DN để tạo tiền đề hình thành tập đoàn; chính sách đối với hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng công ty mẹ đại diện tập đoàn để sử dụng có hiệu quả năng lực của toàn bộ các DN thành viên.

Kết luận

Tập đoàn ở các nước trên thế giới hình thành tự nhiên giống như sự phát triển của một con người, phải trưởng thành qua từng giai đoạn. Ở VN thì lại khác, chúng lại được nhân bản vô tính ngay để trở thành hàng loạt người khổng lồ chân đất sét và được đem ra đương đầu với các thách thức. Thành công hay không thì chưa biết chắc nhưng có điều rủi ro thì quá lớn. Xét theo quan điểm kinh tế, đây là quyết định không khôn ngoan. Vậy thì hãy nên cân nhắc kỹ lại lời khuyên: nếu quá bức xúc, chỉ nên hình thành một hoặc tối đa là hai TĐKT thí điểm mà thôi và hãy tỉnh táo lại trước khi quá muộn bởi hội chứng tập đoàn ■

Tài liệu tham khảo:
-Trần Ngọc Thơ, Hội chứng tập đoàn kinh tế, báo Tuổi Trẻ Chủ Nhật ngày 26.6.2005.
-Quyết định số 58 /2005/ QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về đề án thí điểm thành lập tập đoàn bưu chính viễn thông.
-"Sân chơi bình đẳng", báo cáo của WB năm 2002.

(Tiếp theo trang 5)

Tập đoàn kinh tế ...

Về mặt chính sách, nhà nước cần nhanh chóng bổ sung các quy định cơ sở đối với việc hình thành tập đoàn, minh bạch hóa vấn đề sở hữu trong tập đoàn, hướng việc giải quyết mối quan hệ giữa các thành viên trong công ty mẹ - công ty con thông qua cơ chế đầu tư vốn... Cụ thể, cần thực hiện các giải pháp chính như sau: Thứ nhất, xây dựng hệ thống các qui định pháp luật và chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đầu tư ra ngoài doanh nghiệp và liên kết kinh doanh chẳng hạn như đa dạng hóa sở hữu, thị trường chứng khoán, công ty tài chính, cạnh tranh, chống độc quyền, địa vị pháp lý của tập đoàn kinh tế; quản lý, kiểm soát tập đoàn kinh tế...Thứ hai, có chính sách riêng đối với các công ty được lựa chọn phát triển thành tập đoàn trong các vấn đề như phân phối lợi nhuận, thuế thu nhập doanh nghiệp, cơ chế bảo lãnh tín dụng tập đoàn...Thứ ba, ban hành chính sách đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, chẳng hạn như công ty mẹ đại diện tập đoàn sử dụng năng lực của toàn bộ các doanh nghiệp thành viên. Thứ tư, có chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết giữa các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp để tạo tiền đề vững chắc cho quá trình hình thành tập đoàn.

Và cuối cùng, cần thiết hình thành đội ngũ cán bộ có năng lực để quản lý mô hình kinh tế đầy mới mẻ này. Nếu không có đội ngũ quản lý giỏi thì dù các chủ trương chính sách có hoàn thiện đến đâu cũng khó gặt hái được thành công. Suy cho cùng mọi thành công đều có yếu tố con người quyết định, đặc biệt là người đứng đầu ■

Chú thích
(1) Nguồn: Ban Chỉ đạo và đổi mới doanh nghiệp Trung ương
(2) Báo cáo của Ban cán sự Đảng chính phủ
(3) Xem bài trả lời phỏng vấn của Trần Tiến Cường, Trưởng Ban nghiên cứu cải cách và phát triển doanh nghiệp đăng trên báo Hải Quan số 26 năm 2005

Tài liệu tham khảo chính
Lê Hồng Hạnh (2004), Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước: Những vấn đề lý luận và thực tiễn, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
Vũ Huy Từ và cộng sự (2002), Mô hình tập đoàn kinh tế trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
Nguyễn Đình Phan và cộng sự (1996), Thành lập và quản lý các tập đoàn kinh tế ở VN, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.